TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1156/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 956/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

Ông Đoàn Đông Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: B Chung cư T, khu phố A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Ngọc Diễm C, sinh năm 1990; địa chỉ: B Chung cư T, khu phố A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Đoàn Đông Đ và bà Trần Ngọc Diễm C là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2015, quyển số 01/2015 ngày 06/5/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn C (nay là xã C), tỉnh Lâm Đồng.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 5 năm 2026, ông Đ và bà C thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Đông Đ và bà Trần Ngọc Diễm C thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2015, quyển số 01/2015 ngày 06/5/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn C (nay là xã C), tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà C trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung tên Đoàn Phương Thảo A, sinh ngày 25/6/2014, Đoàn Phương Bảo A1, sinh ngày 24/10/2016 và Đoàn Phương Kỳ A2, sinh ngày 28/02/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung tên Đoàn Phương Thảo A mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, Đoàn Phương Bảo A1 mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng và Đoàn Phương Kỳ A2 mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2026.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: Ông Đ và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong việc dân sự này.

2. Về lệ phí: Ông Đ và bà C phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0029510 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đ và bà C đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Thị Hồng Đào